

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG THÁNG 10 NĂM 2025

x

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách : **TRƯỜNG THCS PHÚ AN**

2. Mã đơn vị: **1108982**.

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : **5503201007236** - Tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bến Cát

I. Nội dung thanh toán: Lương và phụ cấp tháng 10/2025; Truy lãnh bổ nhiệm...

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT,TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỔ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025								
1	2	4	5.1	5.2	6	7	8	9		10	11	12
	Tổng số	1.083.777.800	923.999.220	9.703.381	53.835.324	83.100.000		7.289.875	-	5.850.000	-	
I	Đối với công chức, viên chức	1.018.142.476	923.999.220	9.703.381	-	74.100.000		4.489.875	-	5.850.000	-	
1	Nguyễn Anh Việt	23.091.746	18.141.746			2.700.000				2.250.000		
2	Nguyễn Thanh Hiền	23.283.627	21.447.627			900.000		936.000				
3	Huỳnh Thị Thanh Tâm	20.188.474	19.288.474			900.000						
4	Đoàn Thu Thủy	19.368.057	18.468.057			900.000						
5	Lê Kim Hương	16.142.975	15.242.975			900.000						
6	Đỗ Thị Hiền	19.031.293	18.131.293			900.000						
7	Thân Thị Minh Trang	18.268.494	17.368.494			900.000						
8	Huỳnh Thị Hồng Hoa	18.120.425	17.220.425			900.000						
9	Trịnh Thị Mỹ Linh	18.063.754	17.163.754			900.000						
10	Đỗ Thị Ngọc Thu	17.670.906	16.770.906			900.000						
11	Đặng Thị Ngọc Bảo	17.955.478	17.055.478			900.000						
12	Hồ Thị Bích Ngọc	19.368.057	18.468.057			900.000						
13	Vương Thị Ánh Nguyệt	18.694.530	17.794.530			900.000						
14	Nguyễn Thị Thanh Hiền	14.897.013	13.997.013			900.000						

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ- HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG										
15	Võ Văn Thanh	18.120.425	17.220.425			900.000							
16	Nguyễn Thị Nga	17.847.203	16.947.203			900.000							
17	Hoàng Ngọc Hữu	16.631.532	15.731.532			900.000							
18	Đình Thị Ngọc Quý	17.022.336	9.700.236			3.900.000		1.322.100		2.100.000			
19	Đặng Thị Hồng Nhung	14.581.117	13.681.117			900.000							
20	Huỳnh Ngọc Nữ	15.306.664	14.406.664			900.000							
21	Hồ Thị Hồng Vân	13.963.869	13.063.869			900.000							
22	Nguyễn Minh Lụa	13.963.869	13.063.869			900.000							
23	Nguyễn Thị Thúy	13.963.869	13.063.869			900.000							
24	Trần Thị Phương Oanh	13.341.780	12.441.780			900.000							
25	Trần Như Thúy	17.250.371	16.350.371			900.000							
26	Nguyễn Thị Hà	15.913.190	15.013.190			900.000							
27	Nguyễn Thị Thu Hồng	16.240.989	15.340.989			900.000							
28	Trịnh Thị Mỹ Dương	16.044.962	15.144.962			900.000							
29	Ngô Thị Hoài Ngân	12.253.124	11.353.124			900.000							
30	Lê Thị Thanh Trà	9.806.508	7.455.708			900.000		1.450.800					
31	Ngô Thị Ngọc Linh	12.253.124	11.353.124			900.000							
32	Nguyễn Thành Đông	15.946.949	15.046.949			900.000							
33	Phan Công Sơn	10.070.819	9.170.819			900.000							
34	Võ Thị Thu Trang	10.978.821	10.078.821			900.000							
35	Phan Thị Nguyên	13.006.692	12.106.692			900.000							
36	Phạm Đình Vương	13.460.693	12.560.693			900.000							
37	Lê Quang Nhân	14.672.009	13.772.009			900.000							
38	Nguyễn Thị Hồng Thúy	17.355.505	16.455.505			900.000							

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT,TV theo NQ 22/2024/NQ- HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG										
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14.936.759	12.022.920	2.013.839		900.000							
40	Phan Thúy Hà	14.936.759	12.022.920	2.013.839		900.000							
41	Nguyễn Thanh Xuân	15.537.905	12.624.066	2.013.839		900.000							
42	Nguyễn Minh Quân	10.909.081	10.009.081			900.000							
43	Nguyễn Thị Thắm	900.000				900.000							
44	Nguyễn Hữu Ái	10.839.341	9.939.341			900.000							
45	Trần Thị Hồng Đào	9.854.361	8.954.361			900.000							
46	Lâm Thanh Trúc	10.839.341	9.939.341			900.000							
47	Đoàn Thị Sen	9.854.361	8.954.361			900.000							
48	Bùi Thị Thom	10.839.341	9.939.341			900.000							
49	Nguyễn Việt Chung	16.044.962	15.144.962			900.000							
50	Nguyễn Phạm Mỹ Hạnh	10.769.601	9.869.601			900.000							
51	Phạm Thị Quyên	9.791.532	8.891.532			900.000							
52	Bùi Trần Anh Thư	13.090.464	12.190.464			900.000							
53	Lê Thị Liên	14.035.761	13.135.761			900.000							
54	Đặng Thị Bích Trâm	9.728.703	8.828.703			900.000							
55	Nguyễn Hữu Nghĩa	10.769.601	9.869.601			900.000							
56	Đỗ Kim Anh	10.552.716	8.828.703	824.013		900.000							
57	Phan Nguyễn Ngọc Thêm	9.791.532	8.891.532			900.000							
58	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	13.174.236	12.274.236			900.000							
59	Bùi Huy Lộc	15.387.619	12.473.780	2.013.839		900.000							
60	Võ Thị Tố Như	8.366.121	7.466.121			900.000							
61	Võ Thị Phương Linh	10.552.715	8.828.703	824.012		900.000							
62	Hoàng Thị Hoài Thương	7.443.342	6.543.342			900.000							

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TRUY LÃNH BỘ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ- HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG										
63	Nguyễn Thị Mỹ Hân	7.443.342	6.543.342				900.000						
64	Đàm Minh Thư	8.366.121	7.466.121				900.000						
65	Trần Thị Thùy Tiên	8.772.756	5.591.781				900.000		780.975		1.500.000		
66	Phạm Thị Bích Trâm	13.425.552	12.525.552				900.000						
67	Nguyễn Quang Hiền	19.143.548	18.243.548				900.000						
68	Phạm Minh Thành	8.366.121	7.466.121				900.000						
69	Phan Thanh Dũ	7.443.342	6.543.342				900.000						
70	Nguyễn Thị Ngân	8.145.342	7.245.342				900.000						
71	Trương Thị Thùy Dương	7.443.342	6.543.342				900.000						
72	Vương Nguyễn Hữu Toàn	7.443.342	6.543.342				900.000						
73	Lê Thị Hoàng Dung	7.443.342	6.543.342				900.000						
74	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	7.443.342	6.543.342				900.000						
75	Hoàng Nữ Cẩm Tú	7.443.342	6.543.342				900.000						
76	Nguyễn Duy Hoài Nam	7.443.342	6.543.342				900.000						
77	Võ Thị Nhâm	9.288.900	8.388.900				900.000						
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị Định 111/2022/NĐ-CP.	36.865.060	-				5.400.000		2.800.000	-			-
1	Trần Thị Hồng	6.293.860					900.000		500.000				
2	Nguyễn Văn Phước	6.161.160					900.000		600.000				
3	Trần Tuấn Khải	6.393.860					900.000		600.000				
4	Trần Ngọc Thanh	6.293.860					900.000		500.000				
5	Nguyễn Quốc Tuấn	5.939.200					900.000		600.000				
6	Phạm Thị Linh Đa	5.783.120					900.000						

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THUỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THUỜNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT,TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH BỔ NHIỆM XẾP LƯƠNG CDNN NĂM 2025								
III	Đối với hợp đồng thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo nghị định 111/2022/NĐ-CP	28.770.264	-		25.170.264	3.600.000		-	-			-
1	Trần Thị Thu Hà	5.405.080			5.105.080	300.000						
2	Nguyễn Thanh Tuấn	5.405.080			5.105.080	300.000						
3	Huỳnh Ngọc Phương Thy	5.405.080			5.105.080	300.000						
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	5.405.080			5.105.080	300.000						
5	Nguyễn Thị Minh Tâm	7.149.944			4.749.944	2.400.000						

Bảng chữ:

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước.

Tăng : tăng 1% thâm niên 1 giáo viên: 98,013đ, thai sản tăng lại 1 GV :9,939,341đ; tăng truy lãnh CDNN: 9,703,381đ, tăng khoản công tác phí :4,500,000đ, khoản điện thoại : 1,200,000đ, bí thư chi bộ : 150,000đ, tăng thu nhập quý 3: 83,100,000đ

Giam

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đinh Thị Ngọc Quý

Đinh Thị Ngọc Qu



Nguyễn Anh Việt

Ngày..... tháng..... năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

